

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN DỊCH VỤ THẺ

A. TRƯỜNG HỢP AGRIBANK LÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THẺ (TCPHT)

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
I. THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA			
1. Phí phát hành mới			
a. Phát hành mới tại quầy			
Hạng Chuẩn (Success)	50.000 VND/thẻ		
Hạng Vàng (Plus Success)	100.000 VND/thẻ		
Thẻ Liên kết sinh viên	30.000 VND/thẻ		
Thẻ liên kết thương hiệu (Co-brand Card)	50.000 VND/thẻ		
Thẻ trả trước	10.000 VND/thẻ		
b. Thẻ vật lý trên kênh điện tử	30.000 VND/thẻ		
c. Thẻ phi vật lý	Miễn phí		
2. Phí phát hành lại			
a. Phát hành lại tại quầy			
Hạng Chuẩn (Success)	25.000 VND/thẻ		
Hạng Vàng (Plus Success)	50.000 VND/thẻ		
Thẻ Liên kết sinh viên	15.000 VND/thẻ		
Thẻ liên kết thương hiệu (Co-brand Card)	25.000 VND/thẻ		
b. Thẻ vật lý trên kênh điện tử	30.000 VND/thẻ		
3. Phát hành thẻ tại Agribank Digital	Miễn phí		
4. Phí thường niên			
Hạng Chuẩn (Success)	20.000 VND/thẻ/năm		
Hạng Vàng (Plus Success)	50.000 VND/thẻ/năm		
Thẻ Liên kết sinh viên	15.000 VND/thẻ/năm		
Thẻ liên kết thương hiệu (Co-brand Card)	50.000 VND/thẻ/năm		
Thẻ phi vật lý	15.000 VND/thẻ/năm		
5. Phí giao dịch tại ATM/POS			
a. Tại ATM của Agribank (on-us)			
Phí rút tiền mặt	1.000 VND /giao dịch (Đối với trường hợp in hóa đơn giao dịch, thu thêm: 500 VND/giao dịch)		
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank	3.000 VND/giao dịch		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí chuyển khoản liên ngân hàng	0,05% số tiền giao dịch	8.000 VND/giao dịch	15.000 VND/giao dịch
Phí vắn tin số dư tài khoản			
- Trường hợp không in hóa đơn	Miễn phí		
- Trường hợp có in hóa đơn	500 VND /giao dịch		
Phí in sao kê	500 VND /giao dịch		
Phí đổi mã PIN	Miễn phí		
Phí rút tiền bằng mã (Cash by Code)	10.000 VND /giao dịch		
Phí đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
Phí gửi tiền	Miễn phí		
Phí thanh toán hóa đơn	Miễn phí		
b. Tại ATM ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút tiền mặt			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	3.000 VND/giao dịch		
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	40.000 VND/giao dịch		
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank	10.000 VND/ giao dịch		
Phí chuyển khoản liên ngân hàng	10.000 VND/giao dịch		
Phí vắn tin số dư TK			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	500 VND/giao dịch		
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	8.000 VND/giao dịch		
Phí in sao kê	800 VND/giao dịch		
c. Tại POS của Agribank (on-us)			
POS tại ĐVCNTT			
Phí thanh toán/hủy thanh toán hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
d. Tại POS ngoại mạng (not on-us)			
Phí vắn tin số dư tài khoản	1.500 VND/giao dịch		
Phí thanh toán hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
6. Các loại phí khác			
Phí xác nhận theo đề nghị của chủ thẻ	10.000 VND/lần		
Phí tra soát, khiếu nại (Trường hợp chủ thẻ khiếu nại sai)	20.000 VND/lần		
Phí yêu cầu cấp lại mã PIN tại quầy (Trường hợp do lỗi của chủ thẻ)	10.000 VND/lần		
Phí trả thẻ do ATM thu giữ			
a) Tại ATM của Agribank	10.000 VND/lần		
b) Tại ATM của TCTTT khác	20.000 VND/lần		
Phí tạm ngừng sử dụng thẻ tại quầy	Miễn phí		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí mở khóa thẻ tại quầy	10.000 VND/lần		
Phí hủy đăng ký giao dịch Internet /MOTO tại quầy	Miễn phí		
Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch			
a) Tại ĐVCNTT của Agribank	10.000 VND/lần		
b) Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	30.000 VND/lần		
Phí dịch vụ phát hành nhanh (Chưa bao gồm phí phát hành/phí phát hành lại)	50.000 VND/thẻ		
II. THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ (thẻ chính/ thẻ phụ)			
1. Phí phát hành mới			
a. Phát hành mới tại quầy			
Hạng chuẩn	100.000 VND/thẻ		
Hạng vàng	150.000 VND/thẻ		
b. Thẻ vật lý trên kênh điện tử	50.000 VND/ thẻ		
c. Thẻ phi vật lý	Miễn phí		
2. Phí phát hành lại			
a. Phát hành lại			
Hạng chuẩn	50.000 VND/thẻ		
Hạng vàng	75.000 VND/thẻ		
b. Thẻ vật lý trên kênh điện tử	50.000 VND/ thẻ		
3. Phát hành thẻ tại Agribank Digital	Miễn phí		
4. Phí thường niên			
Thẻ chính			
Hạng chuẩn	100.000 VND/thẻ/năm		
Hạng vàng	150.000 VND/thẻ/năm		
Thẻ phụ			
Hạng chuẩn	50.000 VND/thẻ/năm		
Hạng vàng	75.000 VND/thẻ/năm		
Thẻ phi vật lý	50.000 VND/thẻ/năm		
5. Phí giao dịch tại ATM/POS			
a. Tại ATM của Agribank (on-us)			
Phí rút tiền mặt	1.000 VND /giao dịch (Đối với trường hợp in hóa đơn giao dịch, thu thêm: 500 VND/giao dịch)		
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank	3.000 VND/giao dịch		
Phí vắn tin số dư tài khoản			

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
- Trường hợp không in hóa đơn	Miễn phí		
- Trường hợp có in hóa đơn	500 VND/giao dịch		
Phí in sao kê	500 VND/giao dịch		
Phí đổi mã PIN	Miễn phí		
Phí rút tiền bằng mã (Cash by Code)	10.000 VND/giao dịch		
Phí đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
Phí gửi tiền	Miễn phí		
Phí thanh toán hóa đơn	Miễn phí		
b. Tại ATM ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút tiền mặt			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	10.000 VND/giao dịch		
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin số dư TK	8.000 VND/giao dịch		
c. Tại POS của Agribank (on-us)			
POS tại ĐVCNTT			
Phí thanh toán/hủy thanh toán hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
d. Tại POS ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút tiền mặt			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	6% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin số dư TK	10.000 VND/giao dịch		
Phí thanh toán hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
6. Các loại phí khác			
Phí xác nhận theo đề nghị của chủ thẻ	80.000 VND/lần		
Phí tra soát, khiếu nại (Trường hợp chủ thẻ khiếu nại sai)	50.000 VND/lần		
Phí yêu cầu cấp lại mã PIN tại quầy (Trường hợp do lỗi của chủ thẻ)	20.000 VND/lần		
Phí chuyển đổi ngoại tệ	2% số tiền giao dịch	10.000 VND/giao dịch	
Phí trả thẻ do ATM thu giữ			
a) Tại ATM của Agribank	30.000 VND/lần		
b) Tại ATM của TCTTT khác	100.000 VND/lần		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí tạm ngừng sử dụng thẻ tại quầy	Miễn phí		
Phí mở khóa thẻ tại quầy	10.000 VND/lần		
Phí thay đổi hạn mức giao dịch ngày tại quầy	30.000 VND/lần		
Phí hủy đăng ký giao dịch Internet /MOTO tại quầy	30.000 VND/lần		
Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch			
a) Tại ĐVCNTT của Agribank	30.000 VND/lần		
b) Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	80.000 VND/lần		
Phí dịch vụ phát hành nhanh (Chưa bao gồm phí phát hành/phí phát hành lại)	50.000 VND/thẻ		
III. THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ (thẻ chính/thẻ phụ): Riêng phí phát hành mới, phí thường niên, phí thay đổi hạn mức tín dụng, phí chậm trả là dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT			
1. Phí phát hành mới			
Hạng chuẩn	100.000 VND/thẻ		
Hạng vàng	200.000 VND/thẻ		
Hạng bạch kim	1.000.000 VND/thẻ		
Hạng Kim Cương	2.000.000 VND/thẻ		
2. Phí phát hành lại			
Hạng chuẩn	50.000 VND/thẻ		
Hạng vàng	100.000 VND/thẻ		
Hạng bạch kim	1.000.000 VND/thẻ		
Hạng Kim Cương	2.000.000 VND/thẻ		
3. Phí thường niên			
Thẻ chính			
Hạng chuẩn	150.000 VND/thẻ/năm		
Hạng vàng	300.000 VND/thẻ/năm		
Hạng bạch kim	2.000.000 VND/thẻ/năm		
Hạng Kim Cương	3.000.000 VND/thẻ/năm		
Thẻ phụ			
Hạng chuẩn	75.000 VND/thẻ/năm		
Hạng vàng	150.000 VND/thẻ/năm		
Hạng bạch kim	1.000.000 VND/thẻ/năm		
Hạng Kim Cương	1.500.000 VND/thẻ/năm		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
4. Phí giao dịch tại ATM/POS			
a. Tại ATM của Agribank (on-us)			
Phí rút/ứng tiền mặt	3% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin hạn mức tín dụng			
- Trường hợp không in hóa đơn	Miễn phí		
- Trường hợp có in hóa đơn	500 VND/giao dịch		
Phí in sao kê	500 VND/giao dịch		
Phí đổi mã PIN	Miễn phí		
Phí đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
Phí thanh toán hóa đơn	Miễn phí		
b. Tại ATM ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút/ứng tiền mặt	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin hạn mức tín dụng	8.000 VND/giao dịch		
c. Tại POS của Agribank (on-us)			
POS tại ĐVCNTT			
Phí thanh toán/hủy thanh toán hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
Phí đặt trước dịch vụ/hoàn thành đặt dịch vụ	Miễn phí		
d. Tại POS ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút/ứng tiền mặt			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	6% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin hạn mức tín dụng	10.000 VND/giao dịch		
Phí thanh toán hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí		
5. Các loại phí khác			
Phí xác nhận theo đề nghị của chủ thẻ	80.000 VND/lần		
Phí tra soát, khiếu nại (Trường hợp chủ thẻ khiếu nại sai)	50.000 VND/lần		
Phí yêu cầu cấp lại mã PIN tại quầy (Trường hợp do lỗi của chủ thẻ)	20.000 VND/lần		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí chuyển đổi ngoại tệ	2% số tiền giao dịch	10.000 VND/giao dịch	
Phí trả thẻ do ATM thu giữ			
a) Tại ATM của Agribank	30.000 VND/lần		
b) Tại ATM của TCTTT khác	100.000 VND/lần		
Phí thay đổi hạn mức tín dụng thẻ (Trường hợp không thay đổi hạn mức)	50.000 VND/lần		
Phí tạm ngừng sử dụng thẻ tại quầy	Miễn phí		
Phí mở khóa thẻ tại quầy	10.000 VND/lần		
Phí thay đổi hạn mức giao dịch ngày tại quầy	30.000 VND/lần		
Phí chậm trả	3% số tiền chậm trả	50.000 VND	
Phí hủy đăng ký giao dịch Internet /MOTO tại quầy	30.000 VND/lần		
Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch			
a) Tại ĐVCNTT của Agribank	30.000 VND/lần		
b) Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	80.000 VND/lần		
Phí chấm dứt sử dụng thẻ trước ngày hết hạn hiệu lực theo yêu cầu của khách hàng			
- Hạn chuẩn, hạn vàng	100.000 VND/thẻ		
- Hạn bạch kim, hạn kim cương	300.000 VND/thẻ		
IV. THẺ LỘC VIỆT: Riêng phí thường niên, phí thay đổi hạn mức tín dụng, phí chậm trả đối với thẻ tín dụng là dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT			
1. Phí phát hành mới	Miễn phí		
2. Phí phát hành lại	50.000 VND/thẻ Miễn phí đối với trường hợp phát hành lại do thẻ hết hạn hiệu lực		
3. Phí thường niên	150.000 VND/thẻ/năm Miễn phí năm đầu		
4. Phí giao dịch tại ATM/POS			
a. Tại ATM của Agribank (on-us)			
Phí rút/ứng tiền mặt			
- Đối với thẻ ghi nợ nội địa	1.000 VND /giao dịch (Đối với trường hợp in hóa đơn giao dịch, thu thêm: 500 VND/giao dịch)		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
- Đối với thẻ tín dụng nội địa	0,5% số tiền giao dịch	10.000 VND/giao dịch	
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	3.000 VND/giao dịch		
Phí chuyển khoản liên ngân hàng (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	0,05% số tiền giao dịch	8.000 VND/giao dịch	15.000 VND/giao dịch
Phí vắn tin số dư TK/hạn mức tín dụng			
- Trường hợp không in hóa đơn	Miễn phí		
- Trường hợp có in hóa đơn	500 VND/giao dịch		
Phí in sao kê	500 VND/giao dịch		
Phí rút tiền bằng mã (Cash by Code) - Đối với thẻ ghi nợ nội địa	10.000 VND/giao dịch		
Phí đổi mã PIN	Miễn phí		
Phí đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
Phí thanh toán hóa đơn	Miễn phí		
Phí gửi tiền (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	Miễn phí		
b. Tại ATM ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút/ứng tiền mặt			
<i>Đối với Thẻ ghi nợ nội địa</i>			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	3.000 VND/giao dịch		
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	40.000 VND/giao dịch		
<i>Đối với Thẻ tín dụng nội địa</i>			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	0,5% số tiền giao dịch	10.000 VND/giao dịch	
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	10.000 VND/ giao dịch		
Phí chuyển khoản liên ngân hàng (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	10.000 VND/giao dịch		
Phí vắn tin số dư tài khoản/hạn mức tín dụng			
<i>Đối với thẻ ghi nợ nội địa</i>			
- Trong lãnh thổ Việt Nam	500 VND/giao dịch		
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam	8.000 VND/giao dịch		
<i>Đối với thẻ tín dụng nội địa</i>	8.000 VND/giao dịch		
Phí in sao kê (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	800 VND/giao dịch		
c. Tại POS của Agribank (on-us)			

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
POS tại ĐVCNTT			
Phí thanh toán/hủy thanh toán hàng hóa dịch vụ	Miễn phí		
Phí đặt trước dịch vụ/hoàn thành đặt dịch vụ	Miễn phí		
d. Tại POS ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút/ứng tiền mặt			
Đối với thẻ tín dụng nội địa	0,5% số tiền giao dịch	10.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin số dư tài khoản/hạn mức tín dụng			
- Đối với thẻ ghi nợ nội địa	1.500 VND/giao dịch		
- Đối với thẻ tín dụng nội địa	10.000 VND/giao dịch		
Phí thanh toán hàng hóa dịch vụ	Miễn phí		
5. Các loại phí khác			
Phí xác nhận theo đề nghị của chủ thẻ			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	10.000 VND/lần		
b) Đối với thẻ tín dụng nội địa	80.000 VND/lần		
Phí tra soát, khiếu nại (Trường hợp chủ thẻ khiếu nại sai)			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	20.000 VND/lần		
b) Đối với thẻ tín dụng nội địa	50.000 VND/lần		
Phí yêu cầu cấp lại mã PIN tại quầy (Trường hợp do lỗi của chủ thẻ)			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	10.000 VND/lần		
b) Đối với thẻ tín dụng nội địa	20.000 VND/lần		
Phí trả thẻ do ATM thu giữ			
Tại ATM của Agribank	30.000 VND/lần		
Tại ATM của TCTTT khác	100.000 VND/lần		
Thay đổi hạn mức tín dụng thẻ (Trường hợp không thay đổi hạn mức thẻ)	50.000 VND/lần		
Phí tạm ngừng sử dụng thẻ tại quầy	Miễn phí		
Phí mở khóa thẻ tại quầy	10.000 VND/lần		
Phí thay đổi hạn mức giao dịch ngày tại quầy	30.000 VND/lần		
Phí chậm trả	3% số tiền chậm trả	50.000 VND	
Phí hủy đăng ký giao dịch Internet/MOTO tại quầy			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	Miễn phí		
b) Đối với thẻ tín dụng nội địa	30.000 VND/lần		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch			
<i>Đối với thẻ ghi nợ nội địa</i>			
a) Tại ĐVCNTT của Agribank	10.000 VND/lần		
b) Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	30.000 VND/lần		
<i>Đối với thẻ tín dụng nội địa</i>			
a) Tại ĐVCNTT của Agribank	30.000 VND/lần		
b) Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	80.000 VND/lần		
Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng nội địa trước ngày hết hạn hiệu lực theo yêu cầu của khách hàng	100.000 VND/thẻ		
V. THẺ ĐỒNG THƯƠNG HIỆU AGRIBANK NAPAS - MASTERCARD			
1. Phí phát hành mới	100.000 VND/thẻ		
2. Phí phát hành lại	50.000 VND/thẻ		
3. Phí thường niên	100.000 VND/thẻ/năm		
4. Phí giao dịch tại ATM/POS			
a. Tại ATM của Agribank (on-us)			
Phí rút tiền mặt	1.000 VND /giao dịch (Đối với trường hợp in hóa đơn giao dịch, thu thêm: 500 VND/giao dịch)		
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank	3.000 VND/giao dịch		
Phí chuyển khoản liên ngân hàng (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	0,05% số tiền giao dịch	8.000 VND/giao dịch	15.000 VND/giao dịch
Phí vắn tin số dư tài khoản			
Trường hợp không in hóa đơn	Miễn phí		
Trường hợp có in hóa đơn	500 VND/giao dịch		
Phí in sao kê	500 VND/giao dịch		
Phí đổi mã PIN	Miễn phí		
Phí rút tiền bằng mã (Cash by Code)	10.000 VND/giao dịch		
Phí đăng ký/hủy đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
Phí gửi tiền	Miễn phí		
Phí thanh toán hóa đơn	Miễn phí		
b. Tại ATM ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút tiền mặt			
- Đối với thẻ ghi nợ nội địa			
+ Trong lãnh thổ Việt Nam	3.000 VND/giao dịch		
+ Ngoài lãnh thổ Việt Nam	40.000 VND/giao dịch		
- Đối với thẻ ghi nợ quốc tế			
+ Trong lãnh thổ Việt Nam	10.000 VND/giao dịch		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
+ Ngoài lãnh thổ Việt Nam	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí chuyển khoản trong cùng hệ thống Agribank (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	10.000 VND/ giao dịch		
Phí chuyển khoản liên ngân hàng (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	10.000 VND/giao dịch		
Phí vắn tin số dư TK			
- Đối với thẻ ghi nợ nội địa			
+ Trong lãnh thổ Việt Nam	500 VND/giao dịch		
+ Ngoài lãnh thổ Việt Nam	8.000 VND/giao dịch		
- Đối với thẻ ghi nợ quốc tế	8.000 VND/giao dịch		
Phí in sao kê (Đối với thẻ ghi nợ nội địa)	800 VND/giao dịch		
c. Tại POS của Agribank (on-us)			
Phí thanh toán/hủy thanh toán hàng hóa dịch vụ	Miễn phí		
d. Tại POS ngoại mạng (not on-us)			
Phí rút tiền mặt (Đối với thẻ ghi nợ quốc tế)			
Trong lãnh thổ Việt Nam	4% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Ngoài lãnh thổ Việt Nam	6% số tiền giao dịch	50.000 VND/giao dịch	
Phí vắn tin số dư TK			
- Đối với thẻ ghi nợ nội địa	1.500 VND/giao dịch		
- Đối với thẻ ghi nợ quốc tế	10.000 VND/giao dịch		
Phí thanh toán hàng hóa dịch vụ	Miễn phí		
5. Các loại phí khác			
Phí xác nhận theo đề nghị của chủ thẻ	10.000 VND/lần		
Phí tra soát, khiếu nại (Trường hợp chủ thẻ khiếu nại sai)			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	20.000 VND/lần		
b) Đối với thẻ ghi nợ quốc tế	50.000 VND/lần		
Phí yêu cầu cấp lại mã PIN tại quầy (Trường hợp do lỗi của chủ thẻ)			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	10.000 VND/lần		
b) Đối với thẻ ghi nợ quốc tế	20.000 VND/lần		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí chuyển đổi ngoại tệ (Đối với thẻ ghi nợ quốc tế)	2% số tiền giao dịch	10.000 VND/giao dịch	
Phí trả thẻ do ATM thu giữ			
a) Tại ATM của Agribank	30.000 VND/lần		
b) Tại ATM của TCTTT khác	100.000 VND/lần		
Phí tạm ngừng sử dụng thẻ tại quầy	Miễn phí		
Phí mở khóa thẻ tại quầy	10.000 VND/lần		
Phí thay đổi hạn mức giao dịch ngày tại quầy (Đối với thẻ ghi nợ quốc tế)	30.000 VND/lần		
Phí hủy đăng ký giao dịch Internet/MOTO tại quầy			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa	Miễn phí		
b) Đối với thẻ ghi nợ quốc tế	30.000 VND/lần		
Phí cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch			
a) Đối với thẻ ghi nợ nội địa			
Tại ĐVCNTT của Agribank	10.000 VND/lần		
Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	30.000 VND/lần		
b) Đối với thẻ ghi nợ quốc tế			
Tại ĐVCNTT của Agribank	30.000 VND/lần		
Tại ĐVCNTT của TCTTT khác	80.000 VND/lần		
Phí dịch vụ phát hành nhanh (Chưa bao gồm phí phát hành/phí phát hành lại)	50.000 VND/thẻ		
VI. DỊCH VỤ THẺ TẠI AGRIBANK PLUS			
Truy vấn thẻ	Miễn phí		
Thanh toán thẻ tín dụng	Miễn phí		
Kích hoạt thẻ	Miễn phí		
Cấp/Đổi mã PIN	Miễn phí		
Khóa/Mở khóa thẻ	Miễn phí		
Định danh thẻ	Miễn phí		

B. TRƯỜNG HỢP AGRIBANK LÀ TỔ CHỨC THANH TOÁN THẺ (TCTTT)

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Phí rút/ứng tiền mặt tại ATM			
Thẻ quốc tế Visa/Mastercard do các TCPHT khác phát hành tại Việt Nam; Thẻ quốc tế JCB	Miễn phí		

Danh mục phí dịch vụ	Mức phí (Chưa bao gồm thuế GTGT)		
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
Thẻ quốc tế Visa/Mastercard do các TCPHT khác phát hành tại nước ngoài	4% số tiền giao dịch	70.000 VND/giao dịch	
Phí trả thẻ do ATM Agribank thu giữ	20.000 VND/lần		

Giải thích một số từ viết tắt:

- TCPHT: Tổ chức phát hành thẻ.
- TCTTT: Tổ chức thanh toán thẻ.
- ĐVCNTT: Đơn vị chấp nhận thanh toán.
- Kênh điện tử: bao gồm Agribank Plus và Agribank eBanking.